

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 27 - 02 - 2024

trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường, hỗ trợ

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Phạm Tồn

ông Võ Ngọc Thông

- *Thư ký phiên tòa:* bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: ông Quách Hòa Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 419/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2023/HC-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1941; địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Huỳnh Anh V, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* ông Đoàn Cửu V1, Luật sư Công ty L1; địa chỉ: C N, Phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên; Người đại diện theo pháp luật là ông Cao Đình H, Chủ tịch UBND; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: bà Nguyễn Thị Xuân Đ, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; có bà Nguyễn Thị Xuân Đ, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; có mặt.

- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T (*Nay là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thành phố T*);

Người đại diện theo ủy quyền của Ban Q đất thành phố T: ông Lê Thành N1, Nhân viên Ban quản lý.

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T.

- UBND phường P, thành phố T;

Người đại diện theo ủy quyền của UBND phường P: ông Nguyễn Ngọc P, chức vụ Phó Chủ tịch UBND phường P.

- Ông Huỳnh Anh V, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- Bà Mai Thị Tuyết M, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Huỳnh C (chết); *những người kế thừa quyền và nghĩa vụ* của ông Huỳnh C gồm vợ và 08 người con:

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1941; địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Người khởi kiện).

+ Bà Huỳnh Thị N2; Địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

+ Bà Huỳnh Thị C1, sinh năm 1965; địa chỉ: khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

+ Bà Huỳnh Thị C2, sinh năm 1968; địa chỉ: F N, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

+ Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

+ Bà Huỳnh Thị X; địa chỉ: thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

+ Bà Huỳnh Thị N3; địa chỉ: Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

+ Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1977; Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

+ Bà Huỳnh Thị M1; địa chỉ: thôn P, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị N2, bà Huỳnh Thị C1, bà Huỳnh Thị C2 và bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị N3, bà Huỳnh Thị G, Huỳnh Thị M1 và bà N: ông Huỳnh Anh V, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

4. Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Nội dung vụ án được tóm tắt theo trình bày của các đương sự:

- Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/5/2023; quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện trình bày:

Vợ chồng ông Huỳnh C và bà Nguyễn Thị N có diện tích đất làm nhà sinh sống lâu năm tại địa chỉ Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Năm 2009, thực hiện chủ trương di dời giải tỏa của nhà nước để làm dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M thành phố T - giai đoạn 1, tại thời điểm đó giữa hai bên chưa thống nhất được giá cả, phương án đền bù nên vợ chồng tôi là Huỳnh C và Nguyễn Thị N chưa nhận tiền và chưa di dời để trả lại mặt bằng cho Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh P.

Hiện nay, ông Huỳnh C đã chết (16/6/2019), con ông C và bà N là Huỳnh Anh V đã vận động gia đình đồng ý thực hiện chủ trương di dời để giao mặt bằng cho Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh P. Hiện tại gia đình bà N có 02 hộ gia đình riêng lẻ, đã tách sổ hộ khẩu từ nhiều năm nay, sinh sống trên thửa đất thu hồi để làm dự án là: hộ gia đình bà N và hộ gia đình con là Huỳnh Anh V (4 nhân khẩu). Theo Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T cho biết thì gia đình bà N chỉ được giao đất tái định cư 01 lô đất, tuy nhiên diện tích đất nhà bà N bị thu hồi rất lớn, cụ thể: Thu hồi 750m² đất ở đô thị và 971,2 m² đất vườn liền kề. Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 thì việc giao đất ở khi thu hồi đất không vượt quá diện tích đã thu hồi, nhưng gia đình bà N bị thu hồi tổng cộng 1.721,2 m² (*Một nghìn bảy trăm hai mươi mốt phẩy hai mét vuông*) nhưng chỉ được giao 01 lô đất tái định cư với diện tích 100m² là chưa thỏa đáng, chưa đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 197/2004/NĐ-CP và điểm b khoản 2 Điều 23 Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh P.

Tại thời điểm UBND thành phố T tiến hành thu hồi đất của hộ ông Huỳnh C, Nguyễn Thị N theo Quyết định thu hồi đất số 3545/QĐ-UBND ngày 03/9/2009 của UBND thành phố T thì hộ ông Huỳnh C có khiếu nại nhưng hiện tại hồ sơ khiếu nại này ông C đã làm thất lạc, không còn căn cứ chứng minh thời điểm năm 2009 hộ ông C có khiếu nại.

Đối với Công văn số 1620/UBND ngày 17/5/2021 của UBND thành phố T thì hộ ông Huỳnh C gồm bà N và ông V có khiếu nại nhưng sau đó đã rút khiếu nại nên UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4114/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 *V/v đình chỉ giải quyết khiếu nại đối với Công văn số 1620/UBND*

ngày 17/5/2021 của UBND thành phố T. Sau khi nhận Quyết định 4114 thì hộ ông C không có khiếu nại gì. Đến ngày 29/7/2022 thì bà N có đơn khởi kiện ra Tòa án.

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị N yêu cầu:

- Hủy Công văn số 1620/UBND ngày 17/5/2021 của UBND thành phố T về việc trả lời đơn của ông Huỳnh Anh V, phường P;

- Hủy một phần Phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư của UBND thành phố T ban hành ngày 24/12/2009 (phần liên quan đến hộ ông Huỳnh C – chết);

- Hủy một phần Quyết định số 5438/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của UBND thành phố T (phần liên quan đến hộ ông Huỳnh C – chết).

- Hủy Bảng tính chi tiết ngày 16/11/2009 của Hội đồng đền bù, hỗ trợ tái định cư thành phố T đối với hộ ông Huỳnh C, địa chỉ: Khu phố E, phường P, thành phố T.

- Buộc UBND thành phố T lập Phương án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, xác định lại đơn giá bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi cho hộ ông Huỳnh C (chết) và bà Nguyễn Thị N theo quy định của pháp luật. Trong đó buộc UBND thành phố T cấp thêm một lô đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua thủ tục bán đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Anh V, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. (Con của ông Huỳnh C – chết).

Đồng thời xem xét các quyết định hành chính liên quan đối với việc thu hồi đất của hộ ông Huỳnh C (chết) và bà Nguyễn Thị N.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện – ông Đoàn Cửu V1: thống nhất yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện của bà Nguyễn Thị N; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.*

- *Người bị kiện UBND thành phố T trình bày (Công văn số 433/UBND ngày 01/02/2023; Công văn số 5261/UBND ngày 25/8/2023 và Công văn số 5541/UBND ngày 07/9/2023 của UBND thành phố T):*

+ Đối với yêu cầu khởi kiện: Hủy Công văn số 1620/UBND ngày 17/5/2021 của UBND thành phố T về việc trả lời đơn của ông Huỳnh Anh V, phường P:

Ngày 28/5/2021, ông Huỳnh Anh V có đơn khiếu nại Công văn số 1620/UBND ngày 17/5/2021, được UBND thành phố T ra Thông báo thụ lý số 546/TB-UBND ngày 01/6/2021 về thụ lý đơn khiếu nại và Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 V/v giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại; trong đó giao phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tuy H1 tiến hành xác minh làm rõ nội dung đơn khiếu nại của ông Huỳnh Anh V.

Ngày 19/10/2021, ông Huỳnh Anh V có đơn rút đơn khiếu nại để rút toàn bộ nội dung đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2021 gửi UBND thành phố T. Ngày 27/10/2021, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4114/QĐ-UBND V/v đình chỉ giải quyết khiếu nại đối với Công văn số 1620/UBND ngày 17/5/2021 của UBND thành phố T V/v trả lời đơn của ông Huỳnh Anh V, phường P.

Việc ông Huỳnh Anh V khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 1620/UBND ngày 17/5/2021 của UBND thành phố T là không có cơ sở.

+ Về nội dung khởi kiện: Buộc UBND thành phố Tuy Hòa cấp 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua thủ tục đất giá quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Anh V.

Tiếp nhận đơn đề ngày 30/6/2020 của ông Huỳnh Anh V và vợ Mai Thị Tuyết M, nội dung: Đề nghị Giao 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá đất để ổn định cuộc sống khi nhà nước thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M thành phố T – giai đoạn 1.

Ngày 22/12/2020, UBND thành phố T đã có Báo cáo số 652/BC- UBND gửi UBND tỉnh P qua Sở T, Tổ 1036 cho ý kiến về việc giao thêm 01 lô đất thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Anh V (con ông Huỳnh C và bà Nguyễn Thị N) như trường hợp của ông Huỳnh Thúc K được giải quyết theo Thông báo số 611/TB-UBND ngày 13/9/2017 của UBND tỉnh P về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

Ngày 23/4/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T có Công văn số 1043/STNMT-QLĐĐ về việc ý kiến nội dung kiến nghị của UBND thành phố T tại Báo cáo số 652/BC-UBND ngày 22/12/2020, nội dung: Việc giao thêm 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Anh V (con ông Huỳnh C) là chưa phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 18 của Thông tư 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ T1 và điểm c khoản 2 Điều 23 của Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh (nay quy định tại khoản 5 Điều 6 của Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND); đồng thời trường hợp ông Huỳnh Anh V không giống trường hợp ông Huỳnh Thúc K mà UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo tại Mục 1 của Thông báo số 611/TB - UBND ngày 13/9/2017 của UBND tỉnh P về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh N về giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M thành phố T - giai đoạn 1.

+ Về hạn mức giao đất ở của hộ ông Huỳnh C:

Theo Điều 4 Quyết định số 315/2006/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 của UBND tỉnh P quy định

“Điều 4. Hạn mức giao đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở tại đô thị đối với trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Đất đai:

1. Các thị trấn thuộc các huyện Đ, S, Sông H: tối đa 200m²;

2. Các phường thuộc thành phố T và các thị trấn thuộc các huyện còn lại trong tỉnh: tối đa 150m²; Như vậy, hạn mức giao đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở các phường thuộc thành phố T tối đa 150m²”.

Như vậy, hạn mức giao đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở các phường thuộc thành phố T tối đa 150m².

Hội đồng hợp xét của UBND phường P họp vào ngày 27/5/2009 xác định diện tích đất bị thu hồi của ông Huỳnh C có nguồn gốc: “đất có trước năm 1975 do ông bà để lại không có giấy tờ chứng minh về đất, có tên trong sổ đăng ký ruộng đất”. Kết luận: Diện tích bồi thường: 885,6m², gồm: 750m² đất ở, 135,6m² đất vườn. Không tranh chấp, khiếu nại; đủ điều kiện đề nghị xét cấp đất tái định cư và bồi thường về đất.

Việc Hội đồng hợp xét của UBND phường P họp vào ngày 27/5/2009, kết luận: *Diện tích bồi thường: 885,6m², gồm: 750m² đất ở, 135,6m² đất vườn. Không tranh chấp, khiếu nại; đủ điều kiện đề nghị xét cấp đất TĐC và bồi thường về đất.* Đối với trường hợp ông Huỳnh C (C) bà Nguyễn Thị N được UBND thành phố giao Thanh tra thành phố kiểm tra việc bồi thường, kết quả kiểm tra xác định: *Việc bồi thường cho ông Huỳnh C với diện tích đất ở 750m² là không thực hiện đúng theo khoản 1 Điều 7 Quyết định số 315/2006/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 của UBND tỉnh P, điểm b khoản 3 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ và điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003. UBND thành phố đã có Công văn số 3673/UBND ngày 28/6/2023 chỉ đạo các cơ quan chuyên môn Thành Phố thực hiện các trình tự xử lý một phần đối với Quyết định số 5438/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của UBND thành phố V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M thành phố T - giai đoạn 1.*

Do vậy, UBND thành phố T không có cơ sở để xem xét giải quyết nội dung kiến nghị giao 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Anh V và các yêu cầu hủy các quyết định hành chính của UBND thành phố T về việc thu hồi, bồi thường và tái định cư đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị N.

Từ những cơ sở trên UBND thành phố T đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T trình bày* (Nay là Ban Q đất thành phố T); Công văn số 19/PTQĐ ngày 06/02/2023 của TTPTQĐ thành phố T:

Ngày 30/6/2020, vợ chồng ông Huỳnh Anh V và bà Mai Thị Tuyết M - Địa chỉ Khu phố B, phường P có đơn với nội dung: Đề nghị Giao 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất để ổn định cuộc sống khi nhà nước thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M thành phố T – giai đoạn 1.

Ngày 22/12/2020, UBND thành phố T đã có Báo cáo số 652/BC-UBND gửi UBND tỉnh P qua Sở T, tổ A cho ý kiến về việc giao thêm 01 lô đất thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Anh V (con ông Huỳnh C và bà Nguyễn Thị N) như trường hợp của ông Huỳnh Thúc K được giải quyết theo Thông báo số 611/TB-UBND ngày 13/9/2017 của UBND tỉnh P về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

Ngày 23/4/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T có Công văn số 1043/STNMT-QLĐĐ về việc ý kiến nội dung kiến nghị của UBND thành phố T tại Báo cáo số 652/BC-UBND ngày 22/12/2020, nội dung: *Việc giao thêm 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Anh V (con ông Huỳnh C) là chưa phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 18 của Thông tư 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ T1 và điểm c khoản 2 Điều 23 của Quyết định số 10/2003/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh (nay quy định tại khoản 5 điều 6 của Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND); đồng thời trường hợp ông Huỳnh Anh V không giống trường hợp ông Huỳnh Thúc K mà UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo tại Mục 1 của Thông báo số 611/TB - UBND ngày 13/9/2017 của UBND tỉnh P về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh - Nguyễn Chí H2 về giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M thành phố T - giai đoạn 1.*

Do vậy, đối với nội dung ông Huỳnh Anh V kiến nghị giao 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất là không có cơ sở để tham mưu UBND thành phố T xem xét giải quyết; các quyết định hành chính của UBND thành phố T đúng quy định của pháp luật.

Ban Q đất thành phố T đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* - UBND phường P trình bày: (Văn bản số 66/UBND ngày 16/5/2023 của UBND phường)

+ Theo hồ sơ địa chính, hộ ông Huỳnh C kê khai trong Sổ đăng ký ruộng đất tại quyền số 7, trang số 50, thửa số 40, tờ bản đồ số 16, số thứ tự 1937 với diện tích 810m² (trong đó hạn mức đất ở là 200m² và 610m² đất HNK).

+ Theo bản đồ năm 1997 thuộc thửa đất số 557, tờ bản đồ số 7, loại đất TC, diện tích 995m², chủ sử dụng đất ông Huỳnh C.

+ Theo bản đồ hiện trạng phục vụ công tác bồi thường khu đô thị N năm 2005 thu hồi toàn bộ diện tích 885m², trong đó 750m² đất ở và 135,6m² đất bằng trồng cây hàng năm khác của ông C thuộc thửa đất số 138, tờ bản đồ số 23, có giới cận: Đông giáp thửa 136a và 136b, tây giáp thửa số 137, nam giáp đường đi, bắc giáp thửa số 126.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* ông Huỳnh Anh V và bà Mai Thị Tuyết M: thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên các quyết định hành chính bị kiện.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2023/HC-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng các Điều 30, 32, 116, 158; khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 và 358 Luật tổ tụng hành chính; Điều 38, 39, 42, 44 Luật đất đai năm 2003; Điều 69, 74, 75, 79, 83, 85, 86, 93 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị N đối với yêu cầu:

- Hủy Công văn số 1620/UBND ngày 17/5/2021 của UBND thành phố T về việc trả lời đơn của ông Huỳnh Anh V, phường P;

- Hủy một phần Phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư để xây dựng công trình Hạ tầng khu đô thị M thành phố T (Giai đoạn 1) thuộc dự án hạ tầng Nam Tuy Hòa Vũng Rô của UBND thành phố T ban hành ngày 24/12/2009 (phần liên quan đến hộ ông Huỳnh C (chết) và bà Nguyễn Thị N);

- Hủy một phần Quyết định số 5438/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thi công công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M thành phố T – Giai đoạn 1. (phần liên quan đến hộ ông Huỳnh C – chết và bà Nguyễn Thị N).

- Hủy Bảng tính chi tiết ngày 16/11/2009 của Hội đồng đền bù, hỗ trợ tái định cư thành phố T đối với hộ ông Huỳnh C, địa chỉ: Khu phố E, phường P, thành phố T.

- Hủy Quyết định số 3545/QĐ-UBND ngày 03/9/2009 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án: Hạ tầng khu đô thị N (giai đoạn 1) thuộc Dự án hạ tầng Nam Tuy Hòa – V

- Hủy Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 28/9/2009 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án: Hạ tầng khu đô thị N (giai đoạn 1) thuộc Dự án hạ tầng Nam Tuy Hòa – V

- Buộc UBND thành phố T thực hiện việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ Huỳnh C (chết) và bà Nguyễn Thị N đối với thửa đất số 127 và thửa đất số 138, tờ bản đồ số 23 tại phường P, thành phố T do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và môi trường lập ngày 06/6/2009, được Phòng T ký ngày 09/6/2009 theo đúng quy định pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 04-10-2023 Người đại diện UBND thành phố T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị xem xét:

- Công nhận nội dung Công văn số 1620/UBND ngày 17-5-2021.
- Hủy bản án hành chính sơ thẩm ngày 21-9-2023, và tuyên xử:

+ Công nhận Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 28/9/2009 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất.

+ Điều chỉnh nội dung Quyết định số 3545/QĐ-UBND ngày 03/9/2009 của UBND thành phố T về diện tích và loại đất thu hồi.

+ Điều chỉnh một phần Quyết định số 5438/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo đề nghị xét xử vắng mặt, xem như giữ nguyên đơn kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo đề nghị chấp nhận kháng cáo; đối với các Quyết định chưa phù hợp thì đề nghị xử tuyên điều chỉnh lại, không hủy. Bởi việc hủy các Quyết định sẽ ảnh hưởng đến quá trình quản lý đất đai trong công tác đo đạc, kiểm đếm, lập, thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thực hiện dự án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 1620/UBND ngày 17/5/2021 của UBND thành phố T về việc trả lời đơn của ông Huỳnh Anh V, phường P;

- Hủy một phần Phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư để xây dựng công trình Hạ tầng khu đô thị M thành phố T (Giai đoạn 1) thuộc dự án hạ tầng Nam Tuy Hòa Vũng Rô của UBND thành phố T ban hành ngày 24/12/2009 (phần liên quan đến hộ ông Huỳnh C (chết) và bà Nguyễn Thị N);

- Hủy một phần Quyết định số 5438/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thi công công trình: Hạ tầng khu đô thị M thành phố T – Giai đoạn 1. (phần liên quan đến hộ ông Huỳnh C – chết và bà Nguyễn Thị N).

- Hủy Bảng tính chi tiết ngày 16/11/2009 của Hội đồng đền bù, hỗ trợ tái định cư thành phố T đối với hộ ông Huỳnh C, địa chỉ: Khu phố E, phường P, thành phố T.

- Buộc UBND thành phố T thực hiện việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ Huỳnh C (chết) và bà Nguyễn Thị N đối với thửa đất số 127 và thửa đất số 138, tờ bản đồ số 23 tại phường P, thành phố T do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và môi

trường lập ngày 06/6/2009, được Phòng T ký ngày 09/6/2009 theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, căn cứ khoản 1 Điều 193, Bản án sơ thẩm cũng đã xem xét, giải quyết các Quyết định hành chính liên quan gồm:

- Quyết định số 3545/QĐ-UBND ngày 03/9/2009 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án: Hạ tầng khu đô thị N (giai đoạn 1) thuộc Dự án hạ tầng Nam Tuy Hòa – V

- Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 28/9/2009 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án: Hạ tầng khu đô thị N (giai đoạn 1) thuộc Dự án hạ tầng Nam Tuy Hòa – V

Các quyết định, Văn bản hành chính nêu trên đều có chung một nội dung là thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích đất 1.721,2m² của bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh C. Theo bản đồ hiện trạng phục vụ công tác bồi thường khu đô thị N năm 2005 thì gồm đất tại thửa 138 tờ bản đồ số 23 diện tích 885m², trong đó 750m² đất ở và 135,6m² đất bằng trồng cây hàng năm khác và thửa 127 tờ bản đồ số 23 diện tích 835,6m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác tại phường P. (Bl 163, 175 Phương án bồi thường)

[2] Xét quá trình thu hồi đất của hộ ông Huỳnh C và bà Nguyễn Thị N:

Thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M thành phố T – giai đoạn 1 năm 2009, UBND thành phố đã phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ trúng giải tỏa dự án; trong đó hộ ông Huỳnh C (chết), vợ bà Nguyễn Thị N thu hồi đất giải tỏa thực hiện dự án với diện tích 1.721,2m² (Tổng cộng 2 lô 127, 138) gồm: 750m² đất ở và 917,2m² đất trồng cây hàng năm khác, được bồi thường 452.721.981 đồng, được giao 01 lô đất tái định cư (Thời gian phê duyệt Phương án là ngày 24/12/2009).

Thời điểm thu hồi đất và xem xét giao đất cho hộ gia đình để thực hiện dự án thì hộ ông Huỳnh C (chết) và bà Nguyễn Thị N có 4 nhân khẩu, gồm: ông Huỳnh C, vợ là bà Nguyễn Thị N, con là Huỳnh Thị Kim L và Huỳnh Anh V.

Ngày 30/6/2020, vợ chồng ông Huỳnh Anh V và bà Mai Thị Tuyết M có đơn gửi UBND thành phố T với nội dung: “*Đề nghị Giao 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất để ổn định cuộc sống khi nhà nước thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M thành phố T – giai đoạn 1*”.

Ngày 17/5/2021, UBND thành phố T có Công văn số 1620/UBND về việc trả lời đơn của ông Huỳnh Anh V, phường P.

Ngày 28/5/2021, ông Huỳnh Anh V có đơn khiếu nại Công văn số 1620/UBND ngày 17/5/2021, được UBND thành phố T ra Thông báo thụ lý số 546/TB-UBND ngày 01/6/2021 về thụ lý đơn khiếu nại và Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 V/v giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại; trong đó giao phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tuy H1 tiến hành xác minh làm rõ nội dung đơn khiếu nại của ông Huỳnh Anh V.

Ngày 19/10/2021, ông Huỳnh Anh V có đơn rút đơn khiếu nại để rút toàn bộ nội dung đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2021 gửi UBND thành phố T. Ngày 27/10/2021, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4114/QĐ-UBND V/v

định chỉ giải quyết khiếu nại đối với Công văn số 1620/UBND ngày 17/5/2021 của UBND thành phố T V/v trả lời đơn của ông Huỳnh Anh V, phường P.

Tại Bảng kê chi tiết giá trị đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mả, cây cối hoa màu được bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình ngày 16/11/2009 của Hội đồng đền bù, hỗ trợ tái định cư thành phố T: Hộ ông C được bồi thường đất ở $750m^2 = 147.000.000đ$, đất vườn liền kề $971,2m^2 = 115.378.560đ$. Nhà cửa vật kiến trúc: $174.337.421đ$. Cây cối, hoa màu: $10.996.000đ$; hỗ trợ di dời thuê nhà $3.000.000đ$, hỗ trợ di chuyển chỗ ở $2.000.000đ$, hỗ trợ di dời chậu cảnh $40.000đ$. Tổng cộng: $452.721.981đ$ và 01 lô đất tái định cư. Ông C chết ngày 16/6/2019 đến nay bà N chưa đồng ý nhận tiền bồi thường hỗ trợ. Bản kê chi tiết này tính chung cho toàn bộ diện tích đất thu hồi của hộ bà N.

[3] Xét các Quyết định hành chính bị khởi kiện:

Theo thông tin Cơ quan quản lý đất đai cung cấp thì nguồn gốc thửa 138 tờ bản đồ số 23 theo Bản đồ đo đạc năm 1992 và Sổ đăng ký ruộng đất tại số thứ tự 1937, trang số 50, quyển số 7 được lưu trữ tại UBND phường P thể hiện là: Thửa số 40, tờ bản đồ số 16, diện tích $810m^2$ gồm $200m^2$ đất T và $610m^2$ loại đất HNK, tên chủ sử dụng đất Huỳnh C. Diện tích đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Điều 4 Quyết định số 315/2006/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 của UBND tỉnh P:

“Điều 4. Hạn mức giao đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở tại đô thị đối với trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Đất đai:

- 1. Các thị trấn thuộc các huyện Đ, S, Sông H: tối đa $200m^2$;*
- 2. Các phường thuộc thành phố T và các thị trấn thuộc các huyện còn lại trong tỉnh: tối đa $150m^2$ ”.*

Hội đồng họp xét của UBND phường P họp vào ngày 27/5/2009 xác định diện tích đất bị thu hồi của ông Huỳnh C có nguồn gốc: *“đất có trước năm 1975 do ông bà để lại không có giấy tờ chứng minh về đất, có tên trong sổ đăng ký ruộng đất. Kết luận: Diện tích bồi thường: $885,6m^2$, gồm: $750m^2$ đất ở, $135,6m^2$ đất vườn. Không tranh chấp, khiếu nại; đủ điều kiện đề nghị xét cấp đất tái định cư và bồi thường về đất”* và tại Quyết định 3545/QĐ-UBND ngày 03/9/2009 của UBND thành phố T xác định *“thu hồi $885,6m^2$ đất trong đó (đất ở đô thị $750m^2$, đất bằng trồng cây hàng năm khác $135,6m^2$) tại thửa đất 138, tờ bản đồ số 23, tại phường P của hộ ông Huỳnh C”*. Đây là nội dung mà UBND thành phố T thừa nhận chưa phù hợp, đề nghị Tòa án điều chỉnh lại cho đúng. Tuy nhiên, Tòa án chỉ xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định hành chính để áp dụng một trong các quy định tại Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính, Tòa án không có thẩm quyền điều chỉnh các Quyết định hành chính của Cơ quan hành chính nhà nước. Do chưa phù hợp trong nội dung, diện tích loại đất thu hồi kéo theo các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, Bảng tính chi tiết và các Văn bản giải quyết có liên quan đều chưa chính xác. Cần phải lập lại thủ tục từ cấp cơ sở để xem xét xác định đúng nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, phù hợp với hiện trạng sử dụng đất và

quy định của pháp luật. Quá trình thu hồi đất thì Tổ chức làm nhiệm vụ thu hồi bồi thường và Cơ quan có chức năng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục khảo sát, đo đạc, kiểm đếm tài sản trên đất, nên đề đồng bộ trong việc lập lại thủ tục và ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phù hợp, cần phải hủy các Văn bản, Quyết định hành chính và buộc UBND thành phố T lập lại thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ Huỳnh C (chết) và bà Nguyễn Thị N đối với thửa đất số 127 và thửa đất số 138, tờ bản đồ số 23, tại phường P, thành phố T theo đúng quy định.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính, Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2023/HC-ST ngày 21-9-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm người kháng cáo phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003985 ngày 10-11-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên; đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ III-TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Chi cục Thi hành án thị xã Sông Cầu
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long